

Số: 3484 /KH-UBND

Quảng Nam, ngày 26 tháng 6 năm 2020

KẾ HOẠCH
**Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng
viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2020**

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/12/2018 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 2627/BNV-CCVC ngày 26/5/2020 của Bộ Nội vụ về việc thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2020;

UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2020.

Phần I
MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

Thông qua kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính để sát hạch trình độ chuyên môn của công chức, viên chức góp phần không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; đảm bảo cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm của cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam.

Động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị trong việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức đúng vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch, chức danh do cơ quan có thẩm quyền quy định.

II. YÊU CẦU

Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan và đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo nguyên tắc cạnh tranh.

Cán bộ, công chức, viên chức tham dự kỳ thi phải đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn ngạch, chức danh dự thi theo quy định và được cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị cử dự thi.

Phần II

NỘI DUNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

1. Nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính

Cán bộ, công chức công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Quảng Nam, đang giữ ngạch chuyên viên (mã số 01.003), có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi nâng ngạch công chức theo quy định, gồm:

a) Công chức được xác định theo quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ và Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ.

b) Cán bộ theo quy định của Luật Cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện thuộc diện xếp lương theo ngạch công chức hành chính và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức vụ, chức danh đang đảm nhiệm.

c) Cán bộ, công chức quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Mục này thuộc diện trong quy hoạch, được cơ quan có thẩm quyền quyết định điều động, luân chuyển về giữ các chức vụ, chức danh cán bộ ở cấp xã trên địa bàn tỉnh.

2. Thăng hạng viên chức lên chuyên viên chính

a) Viên chức giữ chức danh chuyên viên, mã số 01.003, làm việc ở bộ phận hành chính, tổng hợp, tổ chức cán bộ, quản trị, văn phòng, kế hoạch, tài chính và các bộ phận không trực tiếp làm chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước ở cấp tỉnh, cấp huyện mà không phải là công chức được xác định theo Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ và Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ.

b) Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm theo chỉ tiêu biên chế đang làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù ở cấp tỉnh đang xếp và hưởng lương theo ngạch hoặc chức danh chuyên viên.

Đối tượng tại Khoản a và Khoản b Mục này gọi chung là viên chức.

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 29 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, Khoản 14, Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP; Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành hành chính; Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014, cụ thể như sau:

- Được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của ngạch chuyên viên chính tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành hành chính; Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và các yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch chuyên viên chính bao gồm:

+ Có thời gian giữ ngạch chuyên viên (hoặc tương đương) từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó có thời gian ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch chuyên viên tính đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp ngành, lĩnh vực công tác.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính, thạc sĩ quản lý hành chính công, tiến sĩ quản lý hành chính công.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với cán bộ, công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

+ Có chứng chỉ tin học ở trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

- Trong thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ quan sử dụng cán bộ, công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu. Cụ thể như sau:

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập văn bản quy phạm pháp luật mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền.

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

+ Có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì hoặc tham gia xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật, gồm: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Thăng hạng viên chức lên chuyên viên chính

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư 12/2012/TT-BNV, cụ thể như sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề tính trước năm dự thi thăng hạng; có đạo đức và phẩm chất nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

- Viên chức giữ chức danh chuyên viên, mã số 01.003, có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng ngạch chuyên viên chính quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp, văn bằng, chứng chỉ và các yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh dự thi tương ứng với ngạch chuyên viên chính quy định tại Thông tư 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ và Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ, cụ thể:

+ Có thời gian giữ chức danh chuyên viên (hoặc tương đương) từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó có thời gian ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) gần nhất giữ chức danh chuyên viên tính đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp ngành, lĩnh vực công tác.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính, thạc sĩ quản lý hành chính công, tiến sĩ quản lý hành chính công.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với viên chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

+ Có chứng chỉ tin học ở trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

- Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên (hoặc tương đương), viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng hoặc là thành viên ban nghiên cứu, ban soạn thảo xây dựng ít nhất 01 văn bản nghiệp vụ chuyên ngành, lĩnh vực hoặc 01 đề tài, chương trình, đề án của cơ quan, đơn vị nơi viên chức công tác được giao thực hiện đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu (phải có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia xây dựng văn bản, chương trình, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học và kèm theo văn bản xác nhận đề án, đề tài đã được cấp có thẩm quyền thông qua).

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Bản sơ yếu lý lịch: theo mẫu 2c-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (đối với công chức); mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2102/TT-BNV (đối với viên chức), có xác nhận của cơ quan sử dụng công chức, viên chức.

3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng cán bộ, công chức theo các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ (đối với công chức);

Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý (đối với viên chức).

4. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ của công chức, viên chức theo yêu cầu của ngạch chuyên viên chính được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

6. Bản sao Quyết định tuyển dụng và bổ nhiệm ngạch chuyên viên (01.003) hoặc tương đương; các quyết định thay đổi ngạch (nếu có); quyết định bổ nhiệm vào ngạch hiện giữ; quyết định lương hiện hưởng, quyết định luân chuyển về giữ các chức vụ, chức danh cán bộ lãnh đạo cấp xã (đối với cán bộ, công chức được luân chuyển).

7. Bản sao các quyết định, biên bản nghiệm thu, tên văn bản, đề án, dự án, chương trình hoặc văn bản xác nhận đề tài, chương trình, đề án, dự án đã được cấp có thẩm quyền thông qua, đồng thời được cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức xác nhận.

8. Đối với cán bộ, công chức thuộc đối tượng được miễn thi ngoại ngữ: bổ sung các văn bằng, chứng chỉ, các giấy tờ khác có liên quan được cấp có thẩm quyền chứng thực để làm cơ sở xác định được miễn thi.

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi cán bộ, công chức, viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm (theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 1, Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

Lưu ý: Bản sao đối với các thành phần hồ sơ nêu trên phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC TỔ CHỨC THI

1. Nội dung, hình thức thi, thời gian thi; trường hợp miễn thi môn ngoại ngữ, tin học

Thực hiện theo khoản 16, Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, cụ thể:

Thi nâng ngạch công chức hành chính và thăng hạng viên chức hành chính từ chuyên viên lên chuyên viên chính được thực hiện theo 02 vòng thi như sau:

a) *Vòng 1*: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức trắc nghiệm trên máy tính:

- Nội dung thi trắc nghiệm, gồm 02 phần:

+ Phần 1: Kiến thức chung, gồm: 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công vụ, công chức; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức, viên chức theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi. Thời gian thi: 60 phút.

+ Phần 2: Ngoại ngữ, gồm: 30 câu hỏi là môn tiếng Anh theo yêu cầu của ngạch dự thi. Thời gian thi 30 phút.

- Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

+ Có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam, từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ;

+ Cán bộ, Công chức, viên chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền;

+ Có bằng tốt nghiệp là bằng ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch, chức danh dự thi;

+ Có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch, chức danh dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

- Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì cán bộ, công chức, viên chức dự thi nâng ngạch, thăng hạng được dự thi tiếp vòng 2.

- Kết quả thi các phần thi tại vòng 1 của kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức sẽ được thông báo cho công chức, viên chức ngay sau khi hoàn thành bài thi trên máy tính; không thực hiện phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy tính.

b) *Vòng 2*: Thi môn chuyên môn, nghiệp vụ: Thi viết, thời gian 180 phút theo yêu cầu của ngạch, chức danh nghề nghiệp dự thi với thang điểm 100.

2. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng chuyên viên chính phải có kết quả điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ tại vòng 2 quy định tại mục 5 đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch, thăng hạng.

Trường hợp có 02 người trở lên có kết quả điểm thi tại vòng 2 bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng thì thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: Người dự tuyển là nữ; người dự tuyển là người dân tộc thiểu số; người dự tuyển nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh), trường hợp bằng tuổi nhau thì người có thời gian công tác nhiều hơn là người trúng tuyển.

Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch, thăng hạng từ chuyên viên lên chuyên viên chính quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan quản lý công chức, viên chức.

Không thực hiện việc bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng lần sau.

3. Thông báo kết quả thi nâng ngạch; bổ nhiệm vào ngạch

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc chấm thi vòng 2, Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch, thăng hạng về kết quả chấm thi và gửi thông báo bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân tỉnh về điểm thi của công chức, viên chức dự thi nâng ngạch, thăng hạng để thông báo cho công chức, viên chức dự thi được biết.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả thi vòng 02, người dự thi có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả bài thi viết vòng 02. Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày làm việc sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định.

c) Sau khi thực hiện các quy định tại Điểm a, b khoản này, Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng báo cáo UBND tỉnh phê duyệt kết quả kỳ thi và danh sách trúng tuyển. Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ thi của UBND tỉnh, Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng có trách nhiệm thông báo kết quả thi và danh sách trúng tuyển bằng văn bản tới cơ quan quản lý có công chức, viên chức tham dự kỳ thi.

d) Chậm nhất là 15 ngày làm việc sau ngày nhận được danh sách trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng, UBND tỉnh ra quyết định bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với công chức, viên chức trúng tuyển theo quy định.

Phần III

NỘI DUNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC LÊN CÁN SỰ, CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

1. Nâng ngạch công chức lên chuyên viên

Công chức được xác định theo quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 và Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ Nội vụ đang giữ ngạch nhân viên, cán sự hoặc đương đương, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi nâng ngạch theo quy định.

2. Thăng hạng lên cán sự, chuyên viên hoặc tương đương

a) Thăng hạng lên chuyên viên

- Viên chức giữ chức danh nhân viên, cán sự làm việc ở bộ phận hành chính, tổng hợp, tổ chức cán bộ, quản trị, văn phòng, kế hoạch, tài chính và các bộ phận không trực tiếp làm chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước ở cấp tỉnh, cấp huyện mà không phải là công chức được xác định theo Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ và Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ.

- Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm theo chỉ tiêu biên chế đang làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù ở cấp tỉnh, cấp huyện đang xếp và hưởng lương theo ngạch hoặc chức danh cán sự, nhân viên.

b) Thăng hạng lên kế toán viên

Viên chức làm công tác kế toán trong đơn vị sự nghiệp công lập, đang giữ chức danh nghề nghiệp: kế toán viên trung cấp (mã số 06.032), kế toán viên cao đẳng (mã số: 06a.031).

c) Thăng hạng lên lưu trữ viên hạng III

Viên chức làm công tác lưu trữ trong các đơn vị sự nghiệp công lập, đang giữ chức danh nghề nghiệp: lưu trữ viên trung cấp hạng IV (mã số V.01.02.03).

d) Thăng hạng lên thư viện viên hạng III

Viên chức chuyên ngành thư viện trong các đơn vị sự nghiệp công lập, đang giữ chức danh nghề nghiệp: thư viện viên hạng IV (mã số: V.10.02.07).

Các đối tượng nêu tại mục a, b, c và mục d gọi chung là viên chức.

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Nâng ngạch công chức lên chuyên viên hoặc tương đương

a) Đối với ngạch chuyên viên (mã số 01.003)

- Công chức đang giữ ngạch cán sự (mã số 01.004), nhân viên (mã số 01.005), có khả năng đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của ngạch chuyên viên quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề tính trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc trong thời gian đang bị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn.

- Phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch cán sự đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch. Trường hợp đang giữ ngạch nhân viên thì thời gian giữ ngạch nhân viên hoặc tương đương tối thiểu là 05 năm (60 tháng).

- Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng của ngạch chuyên viên theo quy định tại Thông tư 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ và Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên hoặc bằng tốt nghiệp đại học hành chính học, thạc sĩ hành chính công, tiến sĩ quản lý hành chính công.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

b) Đối với ngạch kế toán viên (mã số 06.031)

- Công chức đang giữ ngạch kế toán viên cao đẳng (mã số 06a.031), kế toán viên trung cấp (mã số 06.032), có khả năng đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của ngạch kế toán viên theo quy định trước đây tại Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11/9/2010 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính.

- Được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề tính trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc trong thời gian đang bị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn.

- Phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch kế toán viên cao đẳng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch. Trường hợp đang giữ ngạch kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ ngạch kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kế toán viên trung cấp tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

- Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng của ngạch kế toán viên quy định trước đây tại Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11/9/2010 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành tài chính kế toán trở lên.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kế toán viên.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

c) Đối với ngạch Kiểm lâm viên (mã số 10.226)

- Công chức đang giữ ngạch Kiểm lâm viên trung cấp (mã số 10.228) có khả năng đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của ngạch Kiểm lâm viên theo quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Nội vụ.

- Được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề tính trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc trong thời gian đang bị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn.

- Phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch dưới liền kề với ngạch đăng ký dự thi tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

- Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng của ngạch Kiểm lâm viên quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Nội vụ:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành lâm nghiệp hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch Kiểm lâm viên.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2. Thăng hạng lên cán sự, chuyên viên hoặc tương đương

a) Thăng hạng lên chuyên viên (mã số: 01.003)

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu, có vị trí việc làm tương ứng với chức danh dự thi.

- Viên chức đang giữ chức danh cán sự (mã số 01.004), nhân viên (mã số 01.005), có khả năng đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng ngạch chuyên

viên quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề tính trước năm dự thi thăng hạng; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc trong thời gian đang bị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp, văn bằng, chứng chỉ và các yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh dự thi tương ứng với ngạch chuyên viên quy định tại Thông tư 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ và Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ. Cụ thể:

+ Có thời gian giữ chức danh cán sự tối thiểu là 01 năm (12 tháng). Trường hợp đang giữ chức danh nhân viên thì thời gian giữ chức danh nhân viên hoặc tương đương tối thiểu là 05 năm (60 tháng).

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên hoặc bằng tốt nghiệp đại học hành chính học, thạc sĩ hành chính công, tiến sĩ quản lý hành chính công;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với viên chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

b) Thăng hạng lên kế toán viên (mã số: 06.031)

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu, có vị trí việc làm tương ứng với chức danh dự thi.

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên cao đẳng (mã số 06a.031), kế toán viên trung cấp (mã số 06.032), có khả năng đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp kế toán viên theo quy định trước đây tại Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11/9/2010 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính.

- Được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề tính trước năm dự thi thăng hạng; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc trong thời gian đang bị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực.

- Phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kế toán viên cao đẳng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng. Trường hợp đang giữ chức danh kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ chức danh kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh kế toán viên trung cấp tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

- Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh kế toán viên quy định trước đây tại Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11/9/2010 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành tài chính kế toán trở lên.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kế toán viên.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

c) Thăng hạng lên lưu trữ viên hạng III (mã số V.01.02.02)

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu, có vị trí việc làm tương ứng với chức danh dự thi.

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp lưu trữ viên trung cấp hạng IV (mã số V.01.02.03) có khả năng đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp lưu trữ viên hạng III theo quy định tại Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ.

- Được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề tính trước năm dự thi thăng hạng; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc trong thời gian đang bị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật.

- Phải tham gia nghiên cứu ít nhất 1 (một) đề tài, đề án, công trình khoa học cấp cơ sở trở lên được cấp có thẩm quyền nghiệm vụ và đánh giá đạt yêu cầu.

- Có thời gian giữ chức danh, xếp lương tối thiểu là 03 năm (36 tháng) đối với chức danh lưu trữ viên trung cấp hạng IV.

- Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh lưu trữ viên hạng III quy định tại Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ:

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành văn thư, lưu trữ trở lên; nếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành lưu trữ.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

d) Thăng hạng lên thư viện viên hạng III (mã số: V.10.02.06)

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu, có vị trí việc làm tương ứng với chức danh dự thi.

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV (mã số V.10.02.07) có khả năng đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015 của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ.

- Được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề tính trước năm dự thi thăng hạng; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc trong thời gian đang bị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật.

- Phải tham gia nghiên cứu ít nhất 1 (một) đề tài, đề án, công trình khoa học cấp cơ sở trở lên được cấp có thẩm quyền nghiệm vụ và đánh giá đạt yêu cầu.

- Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp cao đẳng, phải có thời gian công tác giữ chức danh thư viện viên hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm. Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp trung cấp, phải có thời gian công tác giữ chức danh thư viện viên hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.

- Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III

quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015 của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Đơn đăng ký dự thi

2. Bản sơ yếu lý lịch: theo mẫu 2c-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (đối với công chức); mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2102/TT-BNV (đối với viên chức), có xác nhận của cơ quan sử dụng công chức, viên chức.

3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo các điều kiện, tiêu chuẩn quy định của Chính phủ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

6. Các yêu cầu khác theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp dự thi được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

7. Bản sao Quyết định tuyển dụng và bổ nhiệm ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp chính thức; các quyết định thay đổi ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp (nếu có); quyết định bổ nhiệm vào ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ; quyết định lương hiện hưởng (được cơ quan có thẩm quyền chứng thực).

8. Bản sao các quyết định, biên bản nghiệm thu, tên văn bản, đề án, dự án, chương trình hoặc văn bản xác nhận đề tài, chương trình, đề án, dự án đã được cấp có thẩm quyền thông qua, đồng thời được cơ quan sử dụng viên chức xác nhận (đối với viên chức dự thi thăng hạng chức danh thư viện viên hạng III và lưu trữ viên hạng III).

9. Đối với công chức, viên chức thuộc đối tượng được miễn thi ngoại ngữ: bổ sung các văn bằng, chứng chỉ, các giấy tờ khác có liên quan được cấp có thẩm quyền chứng thực để làm cơ sở xác định được miễn thi.

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi công chức, viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

Lưu ý: Bản sao đối với các thành phần hồ sơ nêu trên phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực

IV. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC THI

1. Nội dung, hình thức, thời gian thi:

Kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức được thực hiện theo 02 vòng thi như sau:

a) *Vòng 1:* Thi trắc nghiệm trên máy tính; nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần:

- Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực và chức trách, nhiệm vụ của công chức theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi (đối với nâng ngạch công chức); chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành phù hợp với tiêu chuẩn của chức danh dự thi và pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập, về viên chức (đối với thăng hạng viên chức). Thời gian thi 60 phút.

- Phần II: Ngoại ngữ 30 câu hỏi là một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc theo yêu cầu của ngạch dự thi. Thời gian thi 30 phút.

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì công chức dự thi nâng ngạch được dự thi tiếp vòng 2 quy định tại Điều này.

b) *Vòng 2:* Thi môn chuyên môn, nghiệp vụ: Thi viết, thời gian 120 phút theo yêu cầu của ngạch, chức danh dự thi với thang điểm 100.

2. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ

Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

- Có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ;

- Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền;

- Có bằng tốt nghiệp là bằng ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi;

- Có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

3. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển

- Người trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng phải có kết quả điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch, thăng hạng.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch, thăng hạng cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: người dự tuyển là nữ; người dự tuyển là người dân tộc thiểu số; người dự tuyển nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh), trường hợp bằng tuổi nhau thì người có thời gian công tác nhiều hơn là người trúng tuyển.

- Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan quản lý.

- Không thực hiện việc bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng lần sau.

Phần IV

THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC THI VÀ KINH PHÍ THI

I. DỰ KIẾN THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC THI

Thời gian thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức được dự kiến tổ chức vào tháng 7/2020, tại Trường Đại học Quảng Nam.

II. HÌNH THỨC ÔN TẬP

Không tổ chức ôn tập theo bộ câu hỏi ôn tập, chỉ thực hiện đăng tải danh mục tài liệu liên quan đến kỳ thi trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam theo địa chỉ: www.noivuquangnam.gov.vn để thí sinh dự thi truy cập phục vụ cho quá trình thi.

III. KINH PHÍ PHỤC VỤ KỲ THI

Kinh phí tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2020 được sử dụng từ nguồn thu lệ phí dự thi và trích từ ngân sách của tỉnh phân bổ cho Sở Nội vụ (thực hiện theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức).

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

UBND tỉnh phân công cho các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện một số nội dung sau:

1. Sở Nội vụ

- Thông báo công khai Kế hoạch tổ chức kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng từ chuyên viên lên chuyên viên chính tỉnh Quảng Nam năm 2020 tại trụ sở cơ quan và trên cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ.

- Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tham dự kỳ thi, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định danh sách cán bộ, công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch, thăng hạng.

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, Ban Giám sát kỳ thi năm 2020.

- Là cơ quan thường trực Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức tham mưu giúp Hội đồng thi về tổ chức, thực hiện Kế hoạch thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức năm 2020 của tỉnh; có trách nhiệm thông báo lịch tổ chức thi, thời gian, địa điểm lệ phí thi trên các phương tiện thông tin đại chúng: Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị, địa phương có đối tượng dự thi, Đài phát thanh và Truyền hình, Báo Quảng Nam...

- Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực Hội đồng thi; liên hệ với đơn vị được chọn hỗ trợ thực hiện việc ra đề thi, đáp án và tổ chức chấm thi theo quy định.

- Tham mưu và thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức giao trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2020.

- Lập dự toán kinh phí tổ chức kỳ thi gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tham mưu UBND tỉnh bổ nhiệm ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo thẩm quyền quy định sau khi UBND tỉnh phê duyệt kết quả kỳ thi.

- Quản lý, lưu giữ hồ sơ đăng ký dự thi của cán bộ, công chức, viên chức

2. Sở Tài chính

Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định dự toán kinh phí tổ chức kỳ thi, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội đặc thù cấp tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức dự thi

- Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội đặc thù cấp tỉnh có trách nhiệm:

+ Thông báo công khai Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc để cán bộ, công chức, viên chức biết, đăng ký dự thi.

+ Rà soát vị trí việc làm, tổ chức xét chọn, lập danh sách cử cán bộ, công chức, viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn và phù hợp với vị trí việc làm và

chức trách, nhiệm vụ theo yêu cầu của ngạch dự thi kèm theo hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức dự thi gửi về Sở Nội vụ để thẩm định; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, trước pháp luật về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn của cán bộ, công chức, viên chức cử dự thi.

+ Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác tổ chức thi, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia dự thi.

- Cán bộ, công chức, viên chức dự thi chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự thi. Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế kỳ thi và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Công an tỉnh: chịu trách nhiệm đảm bảo công tác an ninh, trật tự để Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hoàn thành nhiệm vụ. Cử cán bộ tham gia Ban Giám sát kỳ thi và lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự khi có yêu cầu.

5. Thanh tra tỉnh

Cử cán bộ, công chức tham gia Ban Giám sát kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2020 theo Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2020. UBND tỉnh Quảng Nam đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Hội đặc thù cấp tỉnh;
- Báo QN, Đài PTTH Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VT, HCTC, TH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh